

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2021
Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2021 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2021/QĐST-DS ngày 13/9/2021 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim H, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp 9, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Hồng T, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp 9, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn bà Trần Kim H trình bày: Bà Trần Kim H và ông Huỳnh Hồng T kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân nên sống

chung không còn hạnh phúc, ông bà cũng đã ly thân. Nay bà Trần Kim H yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Hồng T.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên Huỳnh Hồng K, sinh ngày 20/10/1992, Huỳnh Thị Tuyết N, sinh ngày 31/7/2002 và Huỳnh Phước T1, sinh ngày 02/4/2009, hiện do bà Trần Kim H nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà Trần Kim H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Huỳnh Hồng T cấp dưỡng.

Về tài sản: Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Hồng T: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Hồng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Kim H đã nộp cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy chứng minh nhân dân, trích lục giấy khai sinh con chung, đơn xin xác nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ tiến hành xét xử vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim H được ly hôn với ông Huỳnh Hồng T.

Về con chung giao cháu Huỳnh Phước T1 cho bà Trần Kim H nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Hồng T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Huỳnh Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Đối với bà Trần Kim H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Kim H, ông Huỳnh Hồng T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim H và ông Huỳnh Hồng T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để cho bà Trần Kim H và ông Huỳnh Hồng T hòa giải với nhau nhưng ông Huỳnh Hồng T vắng mặt nên không mang lại kết quả. Ông bà cũng đã ly thân. Xét thấy hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện và phải có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của bà Trần Kim H và ông Huỳnh Hồng T đã phát sinh mâu thuẫn và không còn sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho bà Trần Kim H được ly hôn với ông Huỳnh Hồng T.

Do hôn nhân của bà Trần Kim H và ông Huỳnh Hồng T được xác lập vào năm 1994 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và các Điều 11, 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3]. Về con chung: Các con chung là Huỳnh Hồng K và Huỳnh Thị Tuyết N đã trưởng thành nên không xem xét. Bà Trần Kim H yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên là Huỳnh Phước T1. Xét thấy từ khi bà Trần Kim H và ông Huỳnh Hồng T ly thân đến nay con chung sống cùng bà Trần Kim H. Cháu Huỳnh Phước T1 cũng có nguyện vọng muốn sống cùng bà Trần Kim H. Cháu Huỳnh Phước T1 chung sống cùng bà Trần Kim H cuộc sống đã ổn định nên cần tránh sự xáo trộn về cuộc sống và tránh ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Do đó Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Trần Kim H tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Huỳnh Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Kim H không có yêu cầu ông Huỳnh Hồng T cấp dưỡng, xét thấy đây là sự định đoạt của đương sự và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét về

nghĩa vụ cấp dưỡng. Khi có yêu cầu bà Trần Kim H có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và được kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, 35, 39, 91, 271, 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11, 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H, cho bà Trần Kim H được ly hôn với ông Huỳnh Hồng T.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Phước T1, sinh ngày 02/4/2009 cho bà Trần Kim H tiếp tục nuôi dưỡng, ông Huỳnh Hồng T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Kim H phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0008468 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, bà Trần Kim H không phải nộp thêm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND nơi ĐKKH;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Mỹ Trúc